TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2023/HNGĐ-PT
Ngày 28-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang.

Các Thẩm phán: Bà Quách Thanh Bình;

Bà Trần Thị Lệ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 720/2022/HNGĐ-ST ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân quận 7 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 749/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Đông N, sinh năm 1994; địa chỉ: Đường S, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Đông N: Ông Trương Văn T, Luật sư - Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ : Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991; địa chỉ: xã M, huyện T, tỉnh Đ; chỗ ở hiện tại: Khu phố 3, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn – ông Nguyễn Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Huỳnh Đông N trình bày:

Bà và Ông T tìm hiểu nhau được 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2018 ngày 02/4/2018 do UBND phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà và Ông T đã ly thân từ tháng 03/2022 và không nợ nần hay tranh chấp gì, nên Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn Ông T.

Về con chung: Bà và Ông T có 01 người con chung tên Nguyễn Trúc T, giới tính: Nữ, sinh ngày 16/02/2018. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông đề nghị giao con chung tên Nguyễn Trúc T, giới tính: Nữ, sinh ngày 16/02/2018 cho Ông trực tiếp nuôi. Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 720/2022/HNGĐ-ST ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận X quyết định:

“1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Đông N và ông Nguyễn Hữu T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2018 do UBND phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2.2. Về con chung: Bà Huỳnh Đông N và ông Nguyễn Hữu T có 01 con chung, họ tên là Nguyễn Trúc T, sinh ngày 16/02/2018. Giao trẻ Nguyễn Trúc T, sinh ngày 16/02/2018 cho bà Huỳnh Đông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hữu T được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.”

Ngoài ra, Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/11/2022, ông Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo đối Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 720/2022/HNGĐ-ST ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét lại Bản án sơ thẩm và giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý ly hôn, kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của Ông T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư – bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm với những căn cứ sau: Lương của bà N cao hơn lương của Ông T, trong đợt tết nguyên đán Ông T có hứa dẫn con lên Thành phố Hồ Chí Minh thăm ông bà ngoại nhưng Ông T không giữ lời hứa. Con chung là bé gái trong tương lai cần sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ để phát triển tâm sinh lý toàn diện.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ông T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[**2**] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Huỳnh Đông N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2018 ngày 02/4/2018 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hôn nhân hợp pháp. Do có mâu thuẫn không thể hàn gắn được và vợ chồng sống ly thân thời gian dài nên bà N yêu cầu ly hôn, Ông T cũng đồng ý ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giải quyết cho bà N ly hôn với Ông T là đúng quy định pháp luật, các đương sự không kháng cáo nên phần này có hiệu lực pháp luật.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về con chung: Ông T và bà N xác nhận có 01 con chung tên là Nguyễn Trúc T, sinh ngày 16/02/2018. Án sơ thẩm tuyên xử bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tài không đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Ông T và bà N đều có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mong muốn này đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Án sơ thẩm cũng đã xem xét các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con. Nhưng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ được phát triển toàn diện về tinh thần lẫn thể chất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo hợp đồng lao động số 01122022/HĐLĐ giữa Ông T và Công ty TNHH Sản xuất thương mại Q có ký hợp đồng không xác định thời hạn, theo bảng xác nhận lương thì số tiền thực lãnh của Ông T là 12.230.000đ/ tháng. Về chế độ làm việc: thời gian làm việc từ 7g30 đến 17h, thứ 7, chủ nhật nghỉ, môi trường làm việc tại tỉnh Đ. Còn bà T ký hợp đồng có thời hạn là 1 năm (đến ngày 31/7/2023 hết hạn hợp đồng), bà là nhân viên Ngân hàng Vp bank, vị trí là chuyên viên hỗ trợ tài

chính mức lương là 10.000.000đ/tháng. Cả hai ông bà đều có công việc, thu nhập ổn định để nuôi con.

Khi Ông T và bà N phát sinh mâu thuẫn, ông bà sống ly thân thì Ông T là người trực tiếp nuôi con cho đến nay. Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/7/2022 thì bà N cũng đồng ý để Ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến ngày ngày 22/7/2022 bà N có văn bản thay đổi ý kiến, yêu cầu được nuôi con chung. Như vậy đã trải qua một thời gian dài bà N không chăm con, phần nào sẽ không nắm bắt được tâm lý của trẻ, giờ giấc sinh hoạt cũng như thói quen của trẻ. Trẻ T luôn ở cùng Ông T, khi Ông T xin được việc làm tại tỉnh Đ, ông đã cùng trẻ T về tỉnh Đ ở cùng ông bà nội, bà N cũng không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì trẻ T ở với ông T. Theo kết quả xác minh tại Hội Liên hiệp phụ nữ xã M, huyện T, tỉnh Đ cho biết: *Trẻ Nguyễn Trúc T đang sinh sống cùng với ba là ông Nguyễn Hữu T và ông bà nội tại xã M, huyện T, tỉnh Đ. Trẻ không bị bạo hành. Trẻ sống vui vẻ cùng với gia đình*. Trong hồ sơ còn có lời khai của bố mẹ ông T (ông bà nội của trẻ T) cam kết tự nguyện giúp đỡ ông T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành.

Theo văn bản xác nhận của hiệu trưởng Trường Mầm non M1, xã M, huyện T, tỉnh Đ cho biết : *Trẻ Nguyễn Trúc T – sinh ngày 16/2/2018 hiện đang học lớp Chồi 2, tại Trường Mầm non M1, xã M, huyện T, tỉnh Đ. Trường cháu T đang học là trường công lập, theo đúng tiêu chí của Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành, đáp ứng đầy đủ các cơ sở vật chất, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn trường học, không gian cho trẻ vui chơi, học tập, đáp ứng các điều kiện về công tác phòng chống dịch bệnh. Khi theo học tại đây, cháu T có bé có kết quả học tập tốt, vui chơi hòa đồng với bạn bè trong lớp*.

Ngoài ra trong quá trình Ông T nuôi con, bà N không có cung cấp chứng cứ nào chứng minh trong thời gian qua ông T nuôi con không tốt. Lý do bà không đồng ý để Ông T nuôi con chung là Ông T có hành vi cản trở bà thăm con, tuy Nên những lần bà đến thăm con đều dẫn theo nhưng người lạ mặt, nhà trường nơi bé theo học phải báo công an đến giải quyết để giải tán đám đông (bút lục 267). Tại tòa Ông T cam kết tạo mọi điều kiện để bà N cùng gia đình thăm trẻ T, không cản việc bà N chăm sóc, thăm nom con.

Hiện Ông T đang trực tiếp chăm sóc con chung, có nơi ở ổn định, có công việc tại tỉnh Đ, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên xử giao con cho bà N trực tiếp nuôi

dưỡng là chưa đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong điều kiện tốt hơn nên Hội đồng xét xử sửa bán án sơ thẩm để ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ T. Xét, kháng cáo của ông T là phù hợp quy định của pháp luật, có cơ sở chấp nhận, không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên án sơ thẩm là chưa phù hợp thực tế như đã phân tích ở trên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Huỳnh Đông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo – ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa bản án sơ thẩm, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Đông N được ly hôn ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trúc T, giới tính: Nữ, sinh ngày 16/02/2018. Ghi nhận việc ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu bà Huỳnh Đông N cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Đông N phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014497 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, vậy bà Huỳnh Đông N đã nộp đủ án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015090 ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận X;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (TT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Trang